

TỔNG QUAN KINH TẾ - XÃ HỘI VIỆT NAM NĂM 2010

PGS, TS NGUYỄN SINH CÚC^(*)

Tình hình kinh tế - xã hội nước ta năm 2010 diễn ra trong bối cảnh khó khăn nhiều hơn thuận lợi. Ở trong nước, thiên tai liên tiếp xảy ra trên diện rộng lại kéo dài. Hạn hán nặng đầu năm, nắng nóng gay gắt mùa hè và lũ lụt lịch sử trong các tháng 9, 10 và 11 đã gây thiệt hại rất nặng nề cho 12 tỉnh miền Trung, ảnh hưởng lớn đến sản xuất và đời sống của nhân dân. Ở ngoài nước, giá cả nhiều mặt hàng leo thang, thị trường diễn biến phức tạp đã tác động tiêu cực đến tình hình kinh tế - xã hội Việt Nam. Nhận thức đầy đủ bối cảnh đó, ngay từ đầu năm, Đảng, Quốc hội và Chính phủ đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các ngành, các cấp, các địa phương thực hiện nhiều giải pháp, huy động các nguồn lực, tận dụng kịp thời và tối đa cơ hội, khắc phục khó khăn, vượt qua thách thức, thúc đẩy sản xuất, kinh doanh, bảo đảm an sinh xã hội. Do đó tình hình kinh tế - xã hội cả nước năm 2010 vẫn phát triển tương đối ổn định, mặc dù hạn chế bất cập vẫn còn nhiều.

1. Những thành tựu chủ yếu

Trong 21 chỉ tiêu kinh tế - xã hội theo Nghị quyết của Quốc hội đề ra đầu năm có

15 chỉ tiêu đạt và vượt, trong đó có nhiều chỉ tiêu chủ yếu.

Về kinh tế

Kinh tế tăng trưởng vượt mục tiêu đề ra. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2010 tăng 6,78%. Đây là mức tăng khá cao so với mức tăng 5,32% của năm 2009 và vượt mục tiêu kế hoạch đề ra đầu năm (6,5%). Trong mức tăng trưởng chung của toàn nền kinh tế năm nay, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,78%, khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 7,7%, khu vực dịch vụ tăng 7,52%.

Vượt qua thiên tai nặng nề, nông nghiệp vẫn được mùa. Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 4,6% so với năm trước, trong đó, nông nghiệp tăng 4,4%; lâm nghiệp tăng 4,1% và thủy sản tăng 5,3%. Sản lượng lương thực có hạt đạt 44,6 triệu tấn, tăng 1,27 triệu tấn (2,9%) so năm 2009, bình quân đầu người đạt 513,7 kg, tăng 10 kg so năm 2009 và là mức cao nhất từ trước đến nay. Sản xuất lúa tăng cả diện tích, năng suất và sản lượng. Diện tích lúa cả năm 2010 đạt 7518,5 nghìn ha, tăng 81,6 nghìn ha so với năm 2009; năng suất đạt 53 tạ/ha, tăng 0,6 tạ/ha; sản lượng đạt

(*) Tổng cục Thống kê.

39,9 triệu tấn, tăng 901 nghìn tấn. Nhờ sản xuất lương thực đạt khá nên sản lượng gạo xuất khẩu cả năm đạt trên 6,7 triệu tấn, cao nhất từ trước đến nay. Sản xuất ngô phát triển toàn diện. Diện tích gieo trồng tăng 1,4% so với năm 2009, năng suất đạt 41 tạ/ha, tăng 2% và sản lượng đạt 4,6 triệu tấn, tăng 5 nghìn tấn (1,2%). Sản xuất rau màu cây công nghiệp, cây ăn quả đều tăng trưởng cao hơn năm 2009. Chăn nuôi trâu, bò và gia cầm tương đối ổn định do không bị ảnh hưởng nhiều của dịch bệnh. Tính đến 1-10-2010, đàn trâu cả nước có 2,9 triệu con, tăng 2,0%; đàn bò 5,9 triệu con; đàn gia cầm 301 triệu con, tăng 7,5% so 1-10-2009. Sản lượng thịt trâu, bò hơi xuất chuồng tăng 4% và sản lượng thịt gia cầm tăng trên 12%. Nhờ đó an ninh lương thực quốc gia được đảm bảo, không xảy ra sốt giá về lương thực, thực phẩm, kể cả những vùng bị mưa lũ lịch sử ở miền Trung.

Sản xuất lâm nghiệp tuy gặp khó khăn do khô hạn đầu năm làm ảnh hưởng đến tiến độ trồng rừng, nhưng nhờ chính sách hỗ trợ kịp thời của Nhà nước nên vẫn phát triển, tăng trưởng khá. Diện tích rừng trồng tập trung đạt 252 nghìn ha, tăng 3,9% so với năm trước; diện tích rừng được khoanh nuôi tái sinh tăng 4,9%; diện tích rừng được chăm sóc tăng 5,1%; sản lượng gỗ khai thác đạt 4,0 triệu m³, tăng 6,1%.

Sản xuất thủy sản tăng trưởng khá. Sản lượng thủy sản năm 2010 đạt 5,1 triệu tấn, tăng 5,3% so với 2009, trong đó sản lượng thủy sản nuôi trồng đạt 2,706 triệu tấn, tăng 4,5%. Nét mới của năm 2010 là các địa phương tiếp tục thực hiện chủ trương chuyển đổi và mở rộng diện tích nuôi trồng thủy sản theo hướng đa canh, đa con kết hợp, nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế và đảm bảo môi trường sinh thái bền vững.

Khai thác thủy sản đạt kết quả khá. Sản lượng năm 2010 đạt 42 triệu tấn, tăng 6,2% so với năm trước, trong đó khai thác biển tăng 4,9%.

Sản xuất công nghiệp hồi phục khá nhanh. Giá trị sản xuất công nghiệp tăng 14% so với năm 2009, bao gồm khu vực kinh tế nhà nước tăng 7,4%; kinh tế ngoài nhà nước tăng 14,7%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng 17,5%. Cơ cấu sản xuất công nghiệp đã có bước chuyển dịch tích cực: tỷ trọng công nghiệp chế biến và chế tạo tăng lên, công nghiệp khai thác giảm so với các năm trước.

Công nghiệp chế biến, chế tạo năm 2010 chiếm tỷ trọng lớn nhất (89,4%) về giá trị sản xuất, đạt tốc độ tăng 14,7% so với năm 2009. Đây cũng là ngành có tốc độ hồi phục nhanh nhất trong năm 2010 sau giai đoạn khủng hoảng. Nhiều sản phẩm chủ yếu của ngành công nghiệp chế biến, chế tạo có tốc độ tăng cao hơn mức tăng chung của toàn ngành là: khí hóa lỏng tăng 121,2%; sữa bột: 26,8%; giày thể thao: 19,5%; kính thủy tinh: 22,8%; bia: 21,6%; xe tải: 21,1%; sơn hóa học: 20,5%; quần áo người lớn: 20,2%; tủ lạnh, tủ đá: 19,9%; xi măng: 16,8% và xe máy tăng 16,4%. Chỉ số tiêu thụ của ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 10,7% so với năm 2009, trong đó một số ngành sản xuất có chỉ số tiêu thụ cao là: đồ uống không cồn; gạch, ngói và gốm, sứ không chịu lửa; các sản phẩm bơ, sữa; các sản phẩm khác bằng kim loại; bia; xi măng; sản xuất các sản phẩm khác bằng plastic; sản xuất giày, dép. Ngành sản xuất, phân phối điện, ga, nước mặc dù chỉ chiếm 5,9% tổng giá trị nhưng có tốc độ tăng cao so với 2009 với 15,3%.

Hoạt động thương mại khá sôi động. Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu

dịch vụ tiêu dùng năm 2010 tăng 25,4% so với năm 2009, nếu loại trừ yếu tố giá thì tăng 14,7%.

Xuất khẩu vượt kế hoạch đề ra: Kim ngạch xuất khẩu cả năm ước đạt 71,6 tỷ USD, tăng 25,5%, gấp hơn 4 lần so với kế hoạch (6%). Khu vực kinh tế trong nước tăng 22,7%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (gồm cả dầu thô) tăng 27,8% so năm 2009. Trong năm 2010, có 18 mặt hàng chủ yếu đạt kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD và tăng trưởng khá: hàng dệt may tăng 23,2%; giày dép: 24,9%; thủy sản: 16,5%; gạo: 20,6%; điện tử máy tính: 28,8%; gỗ và sản phẩm gỗ: 31,2%; máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng: 48,4% và cao su tăng 74,6%. Cơ cấu kim ngạch hàng hóa xuất khẩu có sự thay đổi ở một số nhóm hàng so với cùng kỳ năm trước. Tỷ trọng nhóm hàng công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp tăng từ 40,6% năm 2009 lên 43% năm 2010; nhóm hàng nông, lâm sản giảm từ 16,7% xuống 15,8%; nhóm hàng thủy sản giảm từ 7,3% xuống 6,7%; vàng và các sản phẩm vàng giảm từ 6,4% xuống 5,4%; nhóm hàng công nghiệp nặng và khoáng sản không biến động nhiều, từ 29% lên 29,1%.

Hoa Kỳ vẫn là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch năm 2010 tăng 25,7%, EU tăng 17,5%, ASEAN tăng 19,7%, Nhật Bản tăng 24,4%, Trung Quốc tăng 46,8%, Hàn Quốc tăng 31,5%.

Nhập khẩu tăng cao, kim ngạch đạt 84 tỷ USD, tăng 20,1% so với năm trước, bao gồm: khu vực kinh tế trong nước tăng 8,3%, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng 39,9%. Những mặt hàng chủ yếu phục vụ cho sản xuất vẫn giữ mức tăng cao như: máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng, sắt thép, vải, điện tử máy tính và linh kiện,

chất dẻo, gỗ và nguyên liệu gỗ, nguyên phụ liệu dệt may, giày dép, thức ăn gia súc, sản phẩm hoá chất, sản phẩm khác từ dầu mỏ, cao su, sữa và sản phẩm từ sữa, kim loại thường khác, phương tiện vận tải khác và phụ tùng, lúa mỳ.

Cơ cấu các nhóm hàng hóa nhập khẩu có sự thay đổi so với năm 2009. Nhóm hàng vật phẩm tiêu dùng giảm từ 9,3% xuống 8,4%; nhóm tư liệu sản xuất tăng từ 90,5% lên 91,1%, trong đó máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải và dụng cụ, phụ tùng giảm từ 30% xuống 29,5%, nguyên nhiên vật liệu tăng từ 60,5% lên 61,5%; nhóm vàng và các sản phẩm vàng tăng từ 0,2% lên 0,6%. Thị trường nhập khẩu chủ yếu năm 2010 từ Trung Quốc tăng 29%; ASEAN tăng 27,7%; Hàn Quốc tăng 40,3%; Nhật Bản tăng 23,2%; EU tăng 17,3% và từ Đài Loan tăng 10,4%.

Du lịch khởi sắc: Khách quốc tế đến nước ta năm 2010 đạt hơn 5 triệu lượt người, tăng 38,5% so với năm 2009, trong đó khách đến du lịch, nghỉ dưỡng tăng 43,3%; đến vì công việc tăng 39,8%; thăm thân nhân tăng 2%. Trong năm nay, hầu hết khách từ các quốc gia và vùng lãnh thổ đến Việt Nam đều có xu hướng tăng mạnh so với cùng kỳ năm 2009: khách đến từ Trung Quốc tăng 89,2%; Hàn Quốc tăng 29,4%; Hoa Kỳ tăng 2,4%; Nhật Bản tăng 18,7%; Đài Loan tăng 20,7%; Ôxtrâyliia tăng 27,9%; Campuchia tăng 92,2%; Thái Lan tăng 39,5%; Pháp tăng 12%; Malaixia tăng 23,1%.

Tình hình tài chính lành mạnh: Tổng thu ngân sách nhà nước năm 2010 đạt kết quả khá cao, vượt dự toán 58 nghìn tỷ đồng, tăng 16,7% so với năm 2009. Các khoản thu chủ yếu đều đạt và vượt dự toán, trong đó

các khoản thu nội địa, thu từ dầu thô, thu cân đối ngân sách từ hoạt động xuất nhập khẩu đều tăng khá. Tổng chi ngân sách nhà nước cả năm ước đạt dự toán năm. Các khoản chi phát triển sự nghiệp kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể, chi trả nợ và viện trợ đều đạt kế hoạch. Bội chi ngân sách nhà nước cả năm bằng 6%, thấp hơn kế hoạch đề ra là 6,2%, mặc dù chi đột xuất hỗ trợ các vùng thiên tai, dịch bệnh, hạn hán, nhất là các tỉnh bị lũ lụt lịch sử miền Trung tăng cao.

Về xã hội

An sinh xã hội đảm bảo: Tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 12,3% năm 2009 xuống còn 10,6%. Tỷ lệ hộ nghèo khu vực nông thôn giảm còn 12%. 62 huyện nghèo nhất đã cơ bản xoá nhà dột nát cho hộ nghèo. Vấn đề lao động, việc làm được Nhà nước quan tâm, đầu tư thoả đáng theo nhiều chương trình, dự án trong nước và quốc tế và đạt kết quả khá. Tạo việc làm mới cho 1,6 triệu lao động, đạt mục tiêu đề ra. Sự nghiệp văn hoá, giáo dục, khoa học - công nghệ tiếp tục phát triển toàn diện, cả về lượng và chất. Công tác y tế, chăm sóc sức khoẻ cộng đồng đạt kết quả khá. Trong năm không xảy ra các dịch lớn. Việc tổ chức thành công Đại lễ kỷ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội, Hội nghị cấp cao ASEAN 16, Hội nghị Đại hội đồng Liên Nghị viện các nước ASEAN lần thứ 31 (AIPA31)... qua đó đã giới thiệu được nhiều hình ảnh đẹp về đất nước, con người, làm cho bạn bè quốc tế hiểu hơn về đất nước, con người Việt Nam, vị thế trong quan hệ quốc tế được tăng cường.

Nhằm giữ ổn định và góp phần nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện mục tiêu bảo đảm an sinh xã hội, Chính phủ đã chỉ đạo

các cấp, các ngành triển khai đồng bộ nhiều giải pháp, trong đó chú trọng nâng cao hiệu quả các chương trình hỗ trợ cho nông dân, hộ nghèo, nhất là các vùng bị thiên tai, lũ lụt lớn ở miền Trung để khắc phục hậu quả, ổn định sản xuất và đời sống, tạo việc làm và tăng thu nhập, không để người dân nào bị thiếu đói, bị rét, không có chỗ ở. Từ đầu năm, các cấp, các ngành và địa phương đã hỗ trợ các hộ thiếu đói 36,4 nghìn tấn lương thực và gần 12 tỷ đồng. Các đối tượng thuộc diện cứu trợ được hưởng chính sách trợ giúp thường xuyên dưới nhiều hình thức như: tặng quà, hỗ trợ xây dựng và sửa chữa nhà ở, cấp thẻ bảo hiểm miễn phí, hỗ trợ trong học tập, tạo việc làm và hoà nhập cộng đồng, v.v... Đặc biệt chương trình tín dụng đối với học sinh, sinh viên tiếp tục được triển khai hiệu quả, góp phần hỗ trợ các gia đình nghèo, gia đình khó khăn có con em đang theo học tại các trường. Tính đến cuối năm, đã có 1,9 triệu học sinh, sinh viên được vay vốn với tổng dư nợ là 23,7 nghìn tỷ đồng, trong đó 786,7 nghìn sinh viên đại học được vay với dư nợ 10,4 nghìn tỷ đồng; 584,2 nghìn sinh viên cao đẳng được vay với dư nợ gần 7,4 nghìn tỷ đồng.

Để hỗ trợ đồng bào vùng bị thiên tai lũ lụt, với tinh thần lá lành đùm lá rách, đồng bào cả nước, các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế đã tổ chức quyên góp ủng hộ đồng bào miền Trung hàng trăm tỷ đồng và các đồ dùng thiết yếu khác. Chính phủ đã hỗ trợ từ ngân sách 770 tỷ đồng, 17,5 nghìn tấn gạo. Nhờ đó trong và sau lũ lụt lịch sử, không một người dân nào bị thiếu đói, không vùng nào xảy ra dịch bệnh, tình hình xã hội, an ninh đảm bảo. Tình hình sản xuất và đời sống của dân cư các vùng bị thiên tai tuy còn nhiều khó khăn nhưng bước đầu đã từng bước ổn định.

Công tác đào tạo nghề được triển khai bằng các chương trình dự án trong nước và quốc tế, đã đạt được kết quả bước đầu khá hơn năm 2009. Tỷ trọng lao động từ 15 tuổi trở lên đã qua đào tạo chuyên môn kỹ thuật là 14,6%, trong đó khu vực thành thị là 30%; khu vực nông thôn 8,6%. Tỷ lệ thiếu việc làm của lao động trong độ tuổi là 4,31%, trong đó khu vực thành thị là 1,95%; khu vực nông thôn là 5,24%; tỷ lệ thất nghiệp của lao động trong độ tuổi là 2,88%, trong đó khu vực thành thị là 4,43%; khu vực nông thôn là 2,27%.

2. Những hạn chế và bất cập

Về kinh tế: kinh tế tăng trưởng nhanh nhưng chưa vững, chưa đều, hiệu quả đầu tư thấp và tính ổn định không cao. Chất lượng sản phẩm hàng hoá và dịch vụ còn kém sức cạnh tranh, cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm.

Năm 2010, vốn đầu tư xã hội chiếm tới 42% GDP. Hệ số ICOR ở mức trên 8,4, cao hơn năm 2009 và các năm trước (năm 2007: 5,2; năm 2008: 6,66; năm 2009: 8). Cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm và không đạt mục tiêu đề ra cho 2010. Thực tế năm 2010, tỷ trọng 3 khu vực trong GDP: nông nghiệp (nghĩa rộng) 21,0%; công nghiệp, xây dựng 40,9% và dịch vụ 38,1% - thấp xa so với mục tiêu *Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm* (2001-2010) do Đại hội IX của Đảng đề ra (nông nghiệp: 16 - 17%, công nghiệp: 40 - 41% và dịch vụ 42 - 43% GDP).

Giá cả tăng cao, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) cả năm 2010 tăng gần 11,75% so với năm 2009, không đạt kế hoạch đề ra (7%) và cao hơn năm 2009 (6,52%). Các nhóm hàng tăng cao nhất là lương thực: 17,9%, thực phẩm: 16,7%, nhà ở và vật liệu xây dựng: 15,7%, giáo dục: 19,4%, ăn uống ngoài gia

đình tăng 16,18%... Với tốc độ tăng giá này, Việt Nam là nước có tốc độ tăng giá cao nhất so với các nước trong khu vực (Trung Quốc tăng 4,8%, Malaixia: 4%, Indônêxia: dưới 5%, Philippin tăng 5,1%, Thái Lan: 4%). Mục tiêu giảm lạm phát đã không thực hiện được, tác động tiêu cực đến sản xuất và đời sống dân cư, làm giảm ý nghĩa của tăng trưởng kinh tế. Giá vàng tăng 30%, giá USD tăng 9,7%, là những mức tăng cao nhất trong các năm gần đây. Việc CPI của 4 tháng cuối năm liên tiếp lập kỷ lục tăng cao nhất so với các tháng cùng kỳ của 10 năm lại đây là bài học thực tiễn cần rút kinh nghiệm trong quản lý thị trường.

Thị trường đang bị mất cân đối cung cầu ngoại tệ cục bộ, nguyên nhân là do sự méo mó trong chính sách tiền tệ, lãi suất. Tỷ giá tăng vọt ảnh hưởng tới giá vàng, hàng hóa nhập khẩu cũng tăng lên. Chỉ số chứng khoán Việt Nam 2010 đã giảm hơn 60% từ mức kỷ lục hơn 1.170 điểm hồi tháng 3-2007.

Nhập siêu cao: năm 2010, tỷ lệ nhập siêu 17,4%, về số tuyệt đối lên tới 12,4 tỷ USD, là mức khá cao (năm 2009 là 12,8 tỷ USD).

Nợ công tăng: theo báo cáo của Chính phủ tại kỳ họp thứ 8 Quốc hội khoá XII, nợ công năm 2010 lên tới 52,6% GDP, nợ nước ngoài chiếm 38,8% GDP. Nợ công tăng dẫn đến tỷ lệ bội chi ngân sách cao và Chính phủ phải vay nợ để bù đắp. Sự lo ngại về nợ công thậm chí còn lớn hơn khi con số dự báo cho năm 2011 sẽ vượt trên 57%.

Về xã hội: vẫn còn nhiều hạn chế và bất cập, trong đó chủ yếu là:

Thu nhập và đời sống của dân cư còn thấp, khoảng cách giàu nghèo giữa thành thị và nông thôn có chiều hướng gia tăng. Tính ổn định của các kết quả đã đạt được

về các chỉ tiêu xã hội chưa cao. Đời sống của dân cư những vùng bị thiên tai lũ lụt lớn ở miền Trung, Tây Nguyên rất khó khăn. Tình trạng tái nghèo vẫn xảy ra và chưa có khả năng khắc phục. Nếu theo chuẩn nghèo mới (thu nhập dưới 390 nghìn đồng/tháng (ở đô thị), dưới 300 nghìn đồng/tháng (ở nông thôn), thì năm 2010 tỷ lệ hộ nghèo nước ta còn khoảng 16 - 17%.

Lao động thiếu việc làm gia tăng, nhất là khu vực nông thôn và hộ nông dân mất đất nông nghiệp do công nghiệp hoá và đô thị hoá, kéo theo sự bất ổn trong xã hội, các loại tệ nạn gia tăng. Cơ sở hạ tầng và nhà cửa bị thiệt hại trong lũ lụt rất nặng nề nhưng khả năng hồi phục rất chậm.

Môi trường sinh thái tiếp tục bị ô nhiễm nặng nhưng chậm được khắc phục. Hầu hết các chỉ tiêu về môi trường, khắc phục ô nhiễm năm 2010 đều không đạt kế hoạch. An toàn vệ sinh thực phẩm chưa có chuyển biến đáng kể, xuất hiện nhiều thực phẩm, thuốc kích thích sử dụng trong bảo quản thực phẩm không rõ nguồn gốc, gây độc hại. Quyền lợi người tiêu dùng không được bảo vệ. Chất lượng giáo dục thấp; công tác quản lý các trường đại học, cao đẳng, trung học... chưa tốt. Tình trạng bạo lực trong nhà trường, trong gia đình, đối với trẻ em, trong xã hội diễn biến phức tạp nhưng chậm khắc phục.

Ùn tắc giao thông tại các đô thị lớn rất gay gắt. Tai nạn giao thông tăng cao so năm 2009. Ý thức người dân về thực hiện luật pháp, các quy tắc ứng xử trong cộng đồng, vệ sinh công cộng đáng báo động. Điều đó thể hiện rõ trong các hoạt động lễ hội, kể cả lễ hội 1000 năm Thăng Long - Hà Nội. Hoạt động thể thao chưa có chuyển biến đáng kể, thậm chí thụt lùi so với các

năm trước, rõ nhất là ASIAD 16. Trong y tế, giá thuốc tăng cao, kéo dài nhưng chưa có phương án xử lý, gây bức xúc cho người dân. Tình trạng quá tải tại các bệnh viện công lập vẫn chưa được khắc phục.

3. Đánh giá tổng quát

Những kết quả và thành tựu đạt được trong năm 2010 về kinh tế - xã hội là to lớn và cơ bản. Hầu hết các chỉ tiêu đề ra đều đạt và vượt kế hoạch. Những khởi sắc đó đã đóng góp tích cực vào kết quả thực hiện chiến lược 10 năm 2001-2010 với mức tăng trưởng GDP tăng 6,7%/năm và GDP bình quân đầu người năm 2010 đạt 1.160 USD, giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân 2%/năm, an sinh xã hội được cải thiện, các mục tiêu Thiên niên kỷ đều đạt và vượt kế hoạch, an ninh chính trị, quốc phòng được giữ vững, uy tín Việt Nam trên trường quốc tế tăng lên... Đó là những thành tựu rất đáng ghi nhận và tự hào. Thực tế đó chứng minh tính đúng đắn của đường lối đổi mới toàn diện và hội nhập của Đảng và sự điều hành của Chính phủ trong năm 2010 được thế giới công nhận, đánh giá cao.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, kinh tế - xã hội năm qua vẫn còn nhiều hạn chế và bất cập. Tuy nhiên, trong bối cảnh có nhiều khó khăn, thách thức của nền kinh tế vừa phục hồi sau khủng hoảng, điểm xuất phát thấp, những hạn chế, bất cập đó là khó tránh khỏi, có tính tạm thời, không cơ bản và không ảnh hưởng lớn đến những kết quả và khởi sắc của về kinh tế - xã hội của cả nước. Kết quả đạt được về tăng trưởng kinh tế và an sinh xã hội năm 2010 là những tiền đề, điều kiện vật chất và động lực tinh thần rất quan trọng làm tăng thế và lực của đất nước khi bước vào năm 2011 với niềm tin và triển vọng tốt đẹp hơn.